

Số: /2022/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và
bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2019;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;

*Căn cứ Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Nghị định số
136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung
một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra,
thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm
thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2019/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2019 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu
bản đồ địa hình quốc gia tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các
thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
208/TTr-STNMT ngày 29 tháng 6 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Các chuyên viên VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (PMD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

QUY ĐỊNH

Một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND
ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định một số nội dung có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Quy định này không áp dụng đối với hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng - an ninh của các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và hoạt động đo đạc và bản đồ quốc phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ; khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Nguyên tắc trong hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức kinh doanh dịch vụ đo đạc và bản đồ đều được thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong Giấy phép khi Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực. Các cá nhân đều được thực hiện các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ trong Chứng chỉ hành nghề khi Chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện bằng ngân sách nhà nước phải được chủ đầu tư dự án, đề án kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu giao nộp để lưu trữ, quản lý, khai thác sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chương II QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Bản đồ địa chính

a) Đo vẽ bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn thì thiết kế kỹ thuật được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

b) Đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án thi công theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai. Nội dung chính của phương án thi công bao gồm:

- Căn cứ lập phương án thi công;
- Tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

2. Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước thì lập thiết kế kỹ thuật - dự toán bao gồm các nội dung chính sau:

- Sự cần thiết phải đo đạc, lập bản đồ;
- Cơ sở pháp lý;
- Mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Đặc điểm tình hình tự nhiên, kinh tế, xã hội nơi thực hiện dự án đo đạc lập bản đồ;
- Tình hình công tác đo đạc lập bản đồ trong phạm vi thực hiện dự án, công trình; hiện trạng và khả năng sử dụng tư liệu, tài liệu đo đạc và bản đồ, tư liệu ảnh và các loại tài liệu, bản đồ khác;
- Thực trạng nguồn nhân lực, trang thiết bị kỹ thuật, năng lực thực hiện dự án đo đạc và bản đồ của các đơn vị thuộc cơ quan quản lý địa phương;
- Thiết kế và giải pháp kỹ thuật;
- Tổ chức thực hiện;
- Dự toán kinh phí;

- Đánh giá tính khả thi và rủi ro thực hiện dự án, công trình.

b) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác thực hiện theo nhu cầu của tổ chức, cá nhân không sử dụng ngân sách nhà nước thì lập phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ. Nội dung chính của phương án kỹ thuật bao gồm:

- Tóm tắt yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc;
- Tóm tắt giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện;
- Kinh phí thực hiện.

Điều 5. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc lập bản đồ địa chính

a) Nhiệm vụ đo đạc lập bản đồ địa chính các xã, phường, thị trấn do Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

b) Nhiệm vụ đo chỉnh lý riêng từng thửa đất của bản đồ địa chính, đo chỉnh lý bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác có sử dụng ngân sách nhà nước:

- Chủ đầu tư gửi phương án thi công lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến thẩm định đối với căn cứ lập phương án thi công; mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nhiệm vụ, khối lượng công việc; giải pháp kỹ thuật và tổ chức thực hiện; căn cứ áp dụng dự toán kinh phí thực hiện.

2. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác

a) Các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ khác do các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ đầu tư, có sử dụng ngân sách nhà nước.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia ý kiến thẩm định sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ;

- Sở Tài chính có ý kiến thẩm định dự toán kinh phí trước khi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định hoặc thuê đơn vị có đủ tư cách pháp nhân và năng lực để thẩm định phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ. Kết quả thẩm định là cơ sở để phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí.

3. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ

a) Các dự án đo đạc và bản đồ sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc chủ đầu tư phê duyệt theo ủy quyền của cơ quan quyết

định đầu tư.

b) Các dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán kinh phí đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

Điều 6. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Luật Đo đạc và bản đồ.

2. Kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ được thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ; đối với đo đạc, thành lập bản đồ địa chính được thực hiện theo Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Điều 7. Xác nhận bản đồ

1. Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm:

a) Bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng các tỷ lệ nhằm phục vụ cho các mục đích: Xin cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;

b) Bản đồ địa chính, trích đo, trích lục địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất;

c) Bản đồ chuyên đề.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận mảnh trích đo địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, cụ thể như sau:

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng Đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và ký duyệt của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai.

Trường hợp trích đo địa chính thửa đất do tổ chức có chức năng hành nghề đo đạc bản đồ địa chính khác thực hiện để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng

nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký và đóng dấu của tổ chức thực hiện đo đạc; người kiểm tra trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai; Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai ký duyệt.

Chương III

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá hoặc điều chỉnh, bổ sung bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc, bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc, bản đồ của các Bộ, ngành khác;

d) Chủ trì phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm, hàng năm phù hợp với kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dữ liệu địa chính, dữ liệu bản đồ hiện trạng sử dụng đất, dữ liệu bản đồ chuyên ngành về khắc phục sự cố môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

đ) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc, bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc, bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc, bản đồ;

e) Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công các dự án đo đạc và bản đồ theo quy định tại Điều 5 của Quy định này;

g) Xác nhận bản đồ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 của Quy định này;

h) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung, gia hạn hoặc thu hồi Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; sát hạch, cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định;

i) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; cập nhật, lưu trữ, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh và các thông tin, dữ

liệu đo đạc, bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;

k) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và quản lý bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính các cấp;

l) Chủ trì tổ chức thành lập, cập nhật bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện thuộc phạm vi quản lý của tỉnh khi có sự thay đổi liên quan đến đơn vị hành chính; gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường một bộ bản sao dữ liệu dạng số và một bộ bản đồ hành chính cấp tỉnh, cấp huyện in trên giấy trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày phát hành;

m) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 17 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP;

n) Tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định;

o) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo quy định của pháp luật.

2. Các Sở, Ban, ngành có liên quan

a) Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao quản lý;

b) Chịu trách nhiệm lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán, phương án thi công đo đạc và bản đồ chuyên ngành sử dụng ngân sách nhà nước theo thẩm quyền;

c) Tham mưu, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt bộ đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hòa Bình theo định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ của Bộ, ngành chủ quản;

d) Chủ trì xây dựng, vận hành, bảo trì, bảo vệ, di dời mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành, trạm định vị vệ tinh chuyên ngành quản lý;

đ) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trong chiến lược phát triển hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch 05 năm, hàng năm phù hợp với kế hoạch tổng thể đã được phê duyệt; chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dữ liệu bản đồ chuyên ngành theo nội dung của Bộ, ngành chủ quản;

e) Báo cáo hoạt động đo đạc, bản đồ hàng năm gửi Sở Tài nguyên và Môi

trường tổng hợp.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện

Thực hiện theo quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều 58 Luật Đo đạc và Bản đồ, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

a) Tham gia quản lý mốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành; đo đạc, những hoạt động đo đạc và bản đồ trái với quy định của pháp luật;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

c) Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 58 Luật Đo đạc và Bản đồ, khoản 2 Điều 16 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và thực hiện một số nội dung cụ thể sau:

a) Bảo vệ mốc đo đạc quốc gia, mốc đo đạc cơ sở chuyên ngành; ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình hạ tầng đo đạc tại địa phương;

b) Phối hợp với các chủ đầu tư để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông, dự án đo đạc và bản đồ theo quy định;

c) Hàng năm báo cáo về tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tuân thủ các quy định tại Quyết định này và pháp luật có liên quan khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công dự án đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình hạ tầng đo đạc cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình hạ tầng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành hoặc thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia,

địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định.

Điều 10. Giao nộp, cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị thực hiện giao nộp theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời giao nộp 01 (một) bộ tài liệu, sản phẩm (in trên giấy và sản phẩm dạng file số lưu trữ trong USB) cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp, kết nối vào hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ của tỉnh.

2. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Luật Đo đạc và Bản đồ; Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình đang có hiệu lực thi hành.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc bản đồ không thuộc phạm vi bí mật Nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

4. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật Nhà nước độ Mật, tối mật cho cơ quan, tổ chức, công dân được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Đối với sản phẩm bản đồ địa chính, tại các khu vực đã có bản đồ địa chính hoặc bản trích đo địa chính thì phải sử dụng bản đồ này để đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất; thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai. Trong trường hợp bản đồ địa chính, bản trích đo địa chính đã có mà có biến động thì thực hiện đo đạc chỉnh lý, đo bổ sung hoặc đo vẽ lại khu vực bị biến động để sử dụng.

Chủ Đầu tư các dự án, nhiệm vụ có sử dụng bản đồ địa chính thì liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường (quan Văn phòng Đăng ký đất đai) để được cung cấp trích lục bản đồ địa chính sử dụng; trường hợp bản đồ địa chính có biến động thì phải đo chỉnh lý, đo bổ sung hoặc đo lại trước khi trích lục, đồng thời phải cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Chủ Đầu tư các dự án, nhiệm vụ trong việc tổ chức đo chỉnh lý, đo bổ sung hoặc đo lại bản đồ địa chính và hướng dẫn quy trình, thủ tục thực hiện của Văn phòng Đăng ký đất đai, các phòng chuyên môn trực thuộc Sở trong việc cung cấp trích lục bản đồ địa chính; đo chỉnh lý, đo bổ sung hoặc đo lại bản đồ địa chính và cập nhật, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các dự án, công trình, nhiệm vụ đo đạc và bản đồ đã và đang thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

Điều 12. Điều khoản thi hành, sửa đổi, bổ sung

1. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản pháp luật mới thì áp dụng thực hiện theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

2. Các hoạt động về đo đạc và bản đồ không quy định chi tiết tại Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc phát sinh các vấn đề mới thì các cơ quan, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn theo thẩm quyền và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định các nội dung vượt thẩm quyền./.